

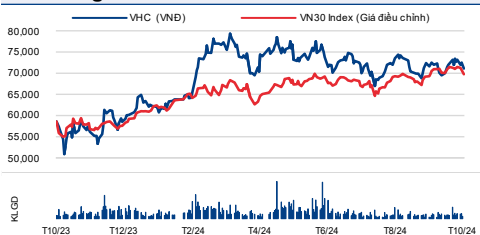
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ91,600
Tiềm năng tăng/giảm: 28.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/10/2024)	71,100
Mã Bloomberg	VHC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	50,923-79,300
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	72,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	13,299
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	524
Slg CP lưu hành (tr.đv)	187
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	157
Slg CP NN được mua (tr.đv)	154
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	2.02%
Tỷ lệ freefloat	56.7%
Cổ đông lớn	Trương Thị Lệ Khanh (43.3%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	10,033	12,612	13,990
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,398	1,714	1,975
LNTT (tỷ đồng)	1,145	1,494	1,673
LNT ĐC (tỷ đồng)	919	1,199	1,343
FCF (tỷ đồng)	(131)	853	174
EPS ĐC (đồng)	5,000	6,412	7,178
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000
BVPS (đồng)	44,629	48,604	53,259
T.trưởng EBITDA (%)	(45.9)	22.6	15.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	(53.6)	28.2	12.0
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.9	13.6	14.1
Tỷ suất LNTT (%)	11.4	11.8	12.0
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.16	9.51	9.60
Tỷ lệ LN trả CT (%)	40.0	31.2	27.9
Nợ thuần/VCSH (%)	24.5	26.8	23.1
ROAE (%)	11.6	13.8	14.1
ROACE (%)	12.0	14.3	15.2
EV/doanh thu (lần)	1.53	1.25	1.11
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.0	9.16	7.89
P/E ĐC (lần)	14.2	11.1	9.90
P/B (lần)	1.59	1.46	1.33
Lợi suất cổ tức (%)	2.81	2.81	2.81

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VHC là công ty xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam. Thị trường xuất khẩu chính gồm: Mỹ, Trung Quốc và Châu Âu.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q3/2024: Lợi nhuận thuần tăng mạnh 68% so với cùng kỳ nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện

- Doanh thu thuần Q3/2024 tăng 21,5% so với cùng kỳ đạt 3.278 tỷ đồng, nhờ doanh thu cá tra tăng 32,6% so với cùng kỳ. Trong khi đó, lợi nhuận thuần tăng mạnh 68% so với cùng kỳ đạt 321 tỷ đồng, nhờ doanh thu tăng mạnh và tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện.
- Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt 9.329 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ và lợi nhuận thuần đạt 804 tỷ đồng, giảm 5,3% so với cùng kỳ, bằng lần lượt 74% và 67,1% dự báo cho cả năm của HSC, sát với dự báo của chúng tôi.
- VHC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 10,2 lần, cao hơn 0,8 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 8,2 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024

VHC đã công bố KQKD Q3/2024 tích cực với doanh thu thuần đạt 3.278 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ và lợi nhuận thuần đạt 321 tỷ đồng, tăng 68% so với cùng kỳ. Doanh thu tăng trưởng mạnh là nhờ doanh thu cá tra tăng 32,6% so với cùng kỳ và lợi nhuận thuần tăng nhờ doanh thu tăng mạnh và tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt 9.329 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận thuần đạt 804 tỷ đồng, giảm 5,3% so với cùng kỳ, bằng lần lượt 74% và 67,1% dự báo cho cả năm 2024 của HSC, sát với dự báo của chúng tôi.

Doanh thu cá tra tăng trưởng ấn tượng

Trong Q3/2024, doanh thu cá tra đạt 1.912 tỷ đồng, tăng trưởng ấn tượng 32,6% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh, trong khi giá xuất khẩu bình quân gần như không đổi so với cùng kỳ. Doanh thu collagen & gelatin và doanh thu sản phẩm giá trị gia tăng cũng tăng vững chắc lần lượt 174 tỷ đồng (tăng 9,4% so với cùng kỳ) và 46 tỷ đồng (tăng 9,5% so với cùng kỳ). Doanh thu các sản phẩm khác (thức ăn chăn nuôi, mỡ cá, trái cây và rau đông lạnh) cũng tăng ấn tượng 37% so với cùng kỳ đạt 641 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 25/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024 & 9 tháng đầu năm 2024, VHC

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	2,698	3,278	22%	7,643	9,329	22%
Giá vốn hàng bán	(2,413)	(2,699)	12%	(6,394)	(8,016)	25%
Lợi nhuận gộp	285	579	103%	1,249	1,314	5%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	11%	18%		16%	14%	
Lợi nhuận tài chính	70	(25)		112	108	-3%
Chi phí QL&BH	(134)	(161)	20%	(369)	(437)	-129%
Chi phí QL&BH / Doanh thu (%)	5%	5%		5%	-1%	
Lợi nhuận HĐ	221	394	78%	993	987	-1%
Thu nhập thuần khác	8	8	-6%	16	29	82%
LNTT	229	402	75%	1,010	1,011	0%
Lợi nhuận thuần	191	321	68%	849	804	-5%

Nguồn: VHC

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu mọi mảng kinh doanh đều tăng trưởng. Doanh thu cá tra tăng 17,8% so với cùng kỳ đạt 5.099 tỷ đồng, nhờ kim ngạch xuất khẩu tăng 26% so với cùng kỳ trong khi giá xuất khẩu bình quân vẫn giảm khoảng 15% so với cùng kỳ. Doanh thu phụ phẩm tăng nhẹ 3,1% so với cùng kỳ đạt 1.345 tỷ đồng trong khi doanh thu collagen & gelatin tăng 24,7% so với cùng kỳ đạt 631 tỷ đồng. Doanh thu sản phẩm giá trị gia tăng tăng 13,7% so với cùng kỳ đạt 116 tỷ đồng và doanh thu các sản phẩm khác tăng mạnh 59,2% so với cùng kỳ đạt 2.093 tỷ đồng.

Thị trường Mỹ dẫn dắt tăng trưởng

Trong Q3/2024, doanh thu xuất khẩu sang Mỹ tăng ấn tượng 54% so với cùng kỳ đạt 1.145 tỷ đồng, đóng góp 35,5% tổng doanh thu (từ mức 28,2% trong Q3/2023). Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu xuất khẩu sang Mỹ đạt 2.917 tỷ đồng, tăng 22,7% so với cùng kỳ và đóng góp 31,4% vào tổng doanh thu 9 tháng đầu năm.

Ngược lại, doanh thu xuất khẩu sang Trung Quốc giảm 29,5% so với cùng kỳ đạt 292 tỷ đồng, đóng góp 9,1% tổng doanh thu (giảm so với mức 15,7% trong Q3/2023). Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 931 tỷ đồng, giảm 3,4% so với cùng kỳ, đóng góp 10% tổng doanh thu 9 tháng đầu năm (giảm so với mức 12,8% trong 9 tháng đầu năm 2023).

Doanh thu xuất khẩu sang EU và phần còn lại của thế giới vẫn duy trì ổn định. Doanh thu xuất khẩu sang EU tăng 12,6% so với cùng kỳ đạt 502 tỷ đồng trong Q3/2024 và tăng 17,4% so với cùng kỳ đạt 1.592 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2024.

Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện đáng kể

Trong Q3/2024, lợi nhuận gộp tăng mạnh 103% so với cùng kỳ đạt 579 tỷ đồng nhờ doanh thu tăng mạnh và tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện lên mức 17,7% so với mức 10,6% trong Q3/2023. Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện có thể là do chi phí nuôi giảm xuống, nhờ giá thức ăn chăn nuôi giảm khoảng 13% so với cùng kỳ. So với tỷ suất lợi nhuận gộp 14,4% trong Q2/2024, tỷ suất lợi nhuận gộp Q3/2024 đã tăng 330 điểm cơ bản nhờ giá xuất khẩu bình quân tăng 2%.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, tỷ suất lợi nhuận gộp đạt mức 14,1%, cải thiện từ mức 12% trong nửa đầu năm 2024 nhưng vẫn thấp hơn 2 điểm cơ bản so với Q3/2023, chủ yếu do giá xuất khẩu bình quân giảm khoảng 14,7% so với cùng kỳ.

Lỗ tài chính và chi phí bán hàng tăng mạnh

Lỗ tỷ giá cao

Trong Q3/2024, VHC ghi nhận lỗ tài chính 25 tỷ đồng, so với lợi nhuận tài chính 70 tỷ đồng trong Q3/2023. Nguyên nhân chủ yếu là do lỗ tỷ giá 32 tỷ đồng, so với lãi tỷ giá 11 tỷ đồng trong Q3/2023.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, lợi nhuận HĐ tài chính đạt 108 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,4% so với cùng kỳ.

Chi phí bán hàng tăng mạnh

Trong Q3/2024, chi phí bán hàng tăng đáng kể 56,8% so với cùng kỳ lên 90 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí vận chuyển tăng 240,3% so với cùng kỳ do xung đột ở Trung Đông. Trong khi đó, chi phí quản lý giảm 8% so với cùng kỳ xuống 71 tỷ đồng. Nhìn chung, chi phí quản lý & bán hàng trong Q3/2024 tăng 19,7% so với cùng kỳ lên 161 tỷ đồng, dẫn đến tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu là 4,9%, giảm so với mức 5,0% trong Q3/2023.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu là 4,7%, giảm so với mức 4,8% trong 9 tháng đầu năm 2023.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Mảng kinh doanh cốt lõi của VHC đã cho thấy sự cải thiện đáng kể trong bốn quý vừa qua, với tỷ suất lợi nhuận gộp tăng nhanh chóng từ mức 8,2% trong

Q4/2023 lên mức 9,3% trong Q1/2024, 14,4% trong Q2/2024 và đạt mức 17,7% trong Q3/2024. Do giá xuất khẩu bình quân sang Mỹ tiếp tục cải thiện dần và chi phí nuôi ổn định ở mức hiện tại, HSC kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận gộp sẽ tiếp tục mở rộng trong những quý tới.

VHC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 10,2 lần, cao hơn 0,8 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 8,2 lần.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm, VHC

Doanh thu mảng cá tra tăng vững chắc 10% so với cùng kỳ trong tháng 9/2024

Tỷ đồng	Q3/2023	Q3/2024	% so với cùng kỳ	9T2023	9T2024	% so với cùng kỳ
Cá tra	1,442	1,912	32.6%	4,328	5,099	17.8%
Phụ phẩm	523	448	-14.3%	1,305	1,345	3.1%
Collagen & gelatin	159	174	9.4%	506	631	24.7%
Sản phẩm GTGT	42	46	9.5%	102	116	13.7%
Khác	468	641	37.0%	1,315	2,093	59.2%
Tổng	2,634	3,221	22.3%	7,556	9,284	22.9%

Nguồn: VHC

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu theo thị trường, VHC

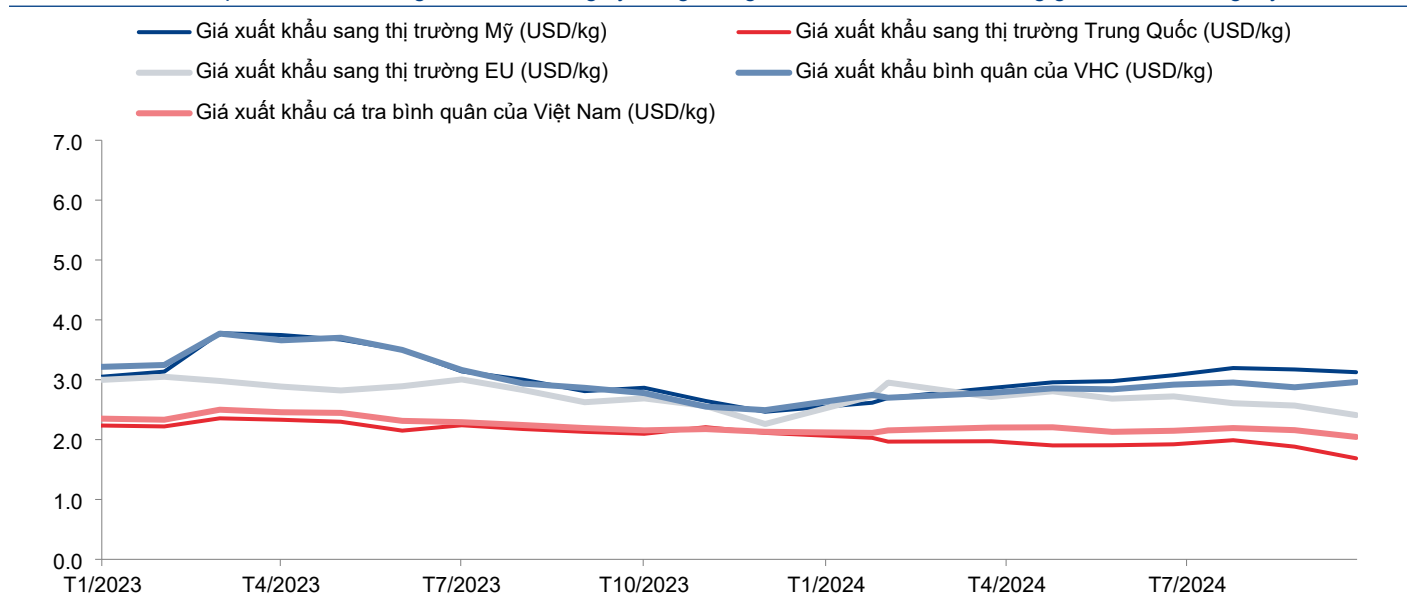
Thị trường Mỹ dẫn dắt tăng trưởng doanh thu

Tỷ đồng	Q3/2023	Q3/2024	% so với cùng kỳ	9T2023	9T2024	% so với cùng kỳ
Mỹ	743	1,145	54.1%	2,377	2,917	22.7%
EU	446	502	12.6%	1,356	1,592	17.4%
Trung Quốc	414	292	-29.5%	964	931	-3.4%
Các thị trường còn lại	1,031	1,282	24.3%	2,858	3,844	34.5%
Tổng	2,634	3,221	22.3%	7,555	9,284	22.9%

Nguồn: VHC

Biểu đồ 4: Giá xuất khẩu cá tra sang các thị trường khác nhau, Việt nam so với VHC

Giá xuất khẩu bình quân của VHC tăng 3% so với cùng kỳ trong tháng 9/2024, theo sát xu hướng giá của thị trường Mỹ



Nguồn: Agromonitor

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	13,239	10,033	12,612	13,990	15,385
Lợi nhuận gộp	2,974	1,493	1,940	2,313	2,493
Chi phí BH&QL	(721)	(524)	(656)	(784)	(862)
Thu nhập khác	34.4	50.0	31.4	0	0
Chi phí khác	(30.7)	(23.2)	(10.2)	0	0
EBIT	2,257	996	1,305	1,529	1,630
Lãi vay thuần	63.3	148	189	144	140
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0.22	0.80	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LN TT	2,320	1,145	1,494	1,673	1,770
Chi phí thuế TNDN	(306)	(171)	(223)	(250)	(265)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(37.7)	(54.6)	(71.2)	(79.7)	(84.4)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,977	919	1,199	1,343	1,421
Lợi nhuận thuần ĐC	1,977	919	1,199	1,343	1,421
EBITDA ĐC	2,584	1,398	1,714	1,975	2,082
EPS (đồng)	10,780	5,000	6,412	7,178	7,598
EPS ĐC (đồng)	10,780	5,000	6,412	7,178	7,598
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	183	184	187	187	187
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	183	187	187	187	187
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	183	187	187	187	187

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	554	233	304	435	271
Đầu tư ngắn hạn	1,767	2,069	2,839	2,966	2,966
Phải thu khách hàng	2,432	1,578	2,540	2,566	2,760
Hàng tồn kho	2,713	3,763	3,244	3,850	4,631
Các tài sản ngắn hạn khác	172	245	227	259	313
Tổng tài sản ngắn hạn	7,638	7,888	9,155	10,076	10,941
TSCĐ hữu hình	3,088	3,081	3,399	3,635	3,914
TSCĐ vô hình	301	463	436	408	380
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	55.9	55.9	50.0	50.0	50.0
Đầu tư vào Cty LD,LK	10.5	11.3	11.3	11.3	11.3
Tài sản dài hạn khác	487	444	458	437	440
Tổng tài sản dài hạn	3,942	4,054	4,355	4,542	4,796
Tổng cộng tài sản	11,580	11,943	13,509	14,618	15,737
Nợ ngắn hạn	2,214	2,157	2,535	2,535	2,535
Phải trả người bán	448	309	449	474	511
Nợ ngắn hạn khác	732	617	726	809	892
Tổng nợ ngắn hạn	3,694	3,233	3,909	4,067	4,187
Nợ dài hạn	175	102	178	178	178
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	5.98	8.06	8.06	8.06	8.06
Nợ dài hạn khác	0.34	0.30	0.30	0.30	0.30
Tổng nợ dài hạn	181	110	186	186	186
Tổng nợ phải trả	3,884	3,351	4,104	4,262	4,382
Vốn chủ sở hữu	7,525	8,348	9,091	9,962	10,876
Lợi ích cổ đông thiểu số	171	244	315	394	479
Tổng vốn chủ sở hữu	7,696	8,591	9,406	10,356	11,355
Tổng nợ phải trả và VCSH	11,580	11,943	13,509	14,618	15,737
BVPS (đ)	41,036	44,629	48,604	53,259	58,149
Nợ thuần*/(tiền mặt)	1,835	2,026	2,409	2,277	2,442

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	2,257	996	1,305	1,529	1,630
Khấu hao	(327)	(402)	(409)	(446)	(452)
Lãi vay thuần	63.3	148	189	144	140
Thuế TNDN đã nộp	(63.0)	(315)	(223)	(250)	(265)
Thay đổi vốn lưu động	(1,592)	(470)	(74.6)	(661)	(963)
Khác	270	(67.0)	103	(270)	(186)
LCT thuần từ HKKD	1,199	546	1,519	794	668
Đầu tư TS dài hạn	(1,114)	(677)	(666)	(619)	(668)
Góp vốn & đầu tư	(2,213)	(3,552)	0	0	0
Thanh lý	13.5	4.49	0	0	0
Khác	1,807	3,431	325	400	411
LCT thuần từ HĐĐT	(1,507)	(793)	(341)	(219)	(258)
Cổ tức trả cho CSH	0	0	(367)	(367)	(367)
Thu từ phát hành CP	184	56.7	0	0	0
Tăng/giảm nợ	485	(129)	(740)	(76.2)	(209)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	669	(72.5)	(1,107)	(443)	(576)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	195	554	233	304	435
LCT thuần trong kỳ	361	(320)	71.4	131	(165)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(2.76)	(1.58)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	554	232	304	435	271
Dòng tiền tự do	84.8	(131)	853	174	0.34

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	22.5	14.9	15.4	16.5	16.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.5	13.9	13.6	14.1	13.5
Tỷ suất LNT (%)	14.9	9.16	9.51	9.60	9.24
Thuế TNDN hiện hành (%)	13.2	15.0	15.0	15.0	15.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	46.2	(24.2)	25.7	10.9	9.97
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	75.0	(45.9)	22.6	15.2	5.44
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	79.9	(53.5)	30.5	12.0	5.84
Tăng trưởng EPS (%)	78.5	(53.6)	28.2	12.0	5.84
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	78.5	(53.6)	28.2	12.0	5.84
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	18.6	40.0	31.2	27.9	26.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	29.7	11.6	13.8	14.1	13.6
ROACE (%)	32.4	12.0	14.3	15.2	14.8
Vòng quay tài sản (lần)	1.30	0.85	0.99	0.99	1.01
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.53	0.55	1.16	0.52	0.41
Số ngày tồn kho	96.5	161	111	120	131
Số ngày phải thu	86.5	67.4	86.9	80.2	78.1
Số ngày phải trả	15.9	13.2	15.4	14.8	14.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	24.7	24.5	26.8	23.1	22.7
Nợ/tài sản (%)	20.8	19.1	20.3	18.7	17.4
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.93	1.63	1.60	1.39	1.32
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.07	2.44	2.34	2.48	2.61
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.12	1.53	1.25	1.11	1.02
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.76	11.0	9.16	7.89	7.56
P/E (lần)	6.60	14.2	11.1	9.90	9.36
P/E ĐC (lần)	6.60	14.2	11.1	9.90	9.36
P/B (lần)	1.73	1.59	1.46	1.33	1.22
Lợi suất cổ tức (%)	2.81	2.81	2.81	2.81	2.81

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn